

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 759/TTr-TNMT ngày 24/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH vật liệu mới Thiên Hưng Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Lô FJ-09; FJ-10, KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía nam), xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Dự án sản xuất khung nhôm và lắp ráp tấm pin năng lượng mặt trời Thiên Hưng” tại Lô FJ-09; FJ-10, KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía nam), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Dự án sản xuất khung nhôm và lắp ráp tấm pin năng lượng mặt trời Thiên Hưng.

1.2. Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH vật liệu mới Thiên Hưng Việt Nam.

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô FJ-09; FJ-10, KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía nam), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2400971659 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/8/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8737181187 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 15/8/2023, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất 28/9/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400971659.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các loại khung nhôm dùng trong công nghiệp sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời; Sản xuất, gia công, lắp ráp tấm modul năng lượng mặt trời.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô FJ-09; FJ-10, KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía nam), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với diện tích 33.000m².

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất, gia công các loại khung nhôm dùng trong công nghiệp sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời: 5.000.000 bộ/năm.

+ Sản xuất, gia công, lắp ráp tấm modul năng lượng mặt trời: 180.000 kw/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH vật liệu mới Thiên Hưng Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường.

1. Công ty TNHH vật liệu mới Thiên Hưng Việt Nam có quyền, nghĩa vụ

theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH vật liệu mới Thiên Hưng Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Yên Dũng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Yên Dũng, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Dự án sản xuất khung nhôm và lắp ráp tấm pin năng lượng mặt trời Thiên Hưng” tại lô FJ-09; FJ-10, KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía nam), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH vật liệu mới Thiên Hưng Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1096/QĐ-TNMT ngày 30/10/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH vật liệu mới Thiên Hưng Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương; UBND huyện Yên Dũng; Công ty cổ phần phát triển Fuji Bắc Giang; Công ty TNHH vật liệu mới Thiên Hưng Việt Nam và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN.Việt Anh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH vật liệu mới Thiên Hưng Việt Nam được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m³/ngày.đêm của dự án, đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đưa vào điểm đầu nối (có Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật giữa Công ty TNHH vật liệu mới Thiên Hưng Việt Nam với Công ty cổ phần phát triển Fuji Bắc Giang là chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp vào ngày 25/10/2023) để đưa về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng (phía nam) công suất 1.200 m³/ngày.đêm do Công ty cổ phần phát triển Fuji Bắc Giang quản lý để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra môi trường. Dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của dự án được thu gom theo đường ống PVC có đường kính D110 để xử lý sơ bộ bằng 04 bể tự hoại 3 ngăn (gồm: 02 bể thể tích mỗi bể là 10m³ ở khu vực nhà xưởng 01, 02 bể thể tích mỗi bể là 10m³ ở khu vực nhà xưởng 02). Sau đó, nước thải từ các bể tự hoại được thu gom về bể gom kích thước (dài x rộng x cao) là 1,16mx1,96mx2,3m bằng đường ống PVC có đường kính D110, tổng chiều dài khoảng 342,25m đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30 m³/ngày.đêm xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Song Khê – Nội Hoàng (phía nam) để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sản xuất: Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30 m³/ngày.đêm: Nước thải sau bể phốt → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý (đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) → đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Song Khê – Nội Hoàng (phía nam), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Hóa chất Javel: 2,4kg/tháng

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

* Biện pháp phòng ngừa:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và hệ thống xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

* Biện pháp ứng phó:

- *Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác:*

+ Phải dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục.

+ Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố ngay lập tức, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- *Sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn:*

Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc

một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt QCCP. Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu TSS vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

- *Sự cố rò rỉ đường ống*: Rà soát lại toàn bộ đường ống thu gom để phát hiện những đoạn bị hỏng gây ra rò rỉ, khắc phục sửa chữa các đoạn hỏng ngay trong ngày. Trong trường hợp cần thiết có thể dừng hoạt động sản xuất để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 6/2024 đến tháng 09/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 30m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí trước và sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất 30m³/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

ST T	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	5 ÷ 9
3	COD	mg/l	150
4	BOD5 (20°C)	mg/l	50
5	Sunfua	mg/l	0,5
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Tổng Nitơ	mg/l	40
8	Tổng Phốt pho (Tính theo P)	mg/l	6
9	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
11	Coliform	MPN/100ml	5.000

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Trong giai đoạn vận hành ổn định

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	Nước thải đầu vào (bể gom) của hệ thống xử lý nước thải	Lưu lượng, Nhiệt độ, pH, BOD ₅ (20 ⁰ C), COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho (tính theo P), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.	Thực hiện lấy 01 lần, thời gian dự kiến: Ngày 25/8/2024	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B
2	Nước thải đầu ra (bể chứa nước sau xử lý) của hệ thống xử lý nước thải		Tần suất quan trắc nước thải là 01 ngày/lần, thực hiện lấy mẫu trong 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: Lần 1: Ngày 25/8/2024 Lần 2: Ngày 26/8/2024 Lần 3: Ngày 27/8/2024	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng Tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải: Có 01 nguồn phát sinh bụi, khí thải từ công đoạn hàn trong quá trình sản xuất của dự án.

2. Dòng khí thải và vị trí xả khí thải.

2.1. Dòng khí thải: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn công suất 20.000m³/giờ trước khi thải ra ngoài môi trường.

2.2. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả thải: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰): X = 2 349 618; Y = 414 295.

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 20.000m³/giờ, tương đương 320.000m³/ngày (tương đương 16 giờ làm việc).

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (16 giờ/ngày).

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (*Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ*) và QCVN 20:2009/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ*), cụ thể như sau:

T T	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT, cột B	QCVN 20:2009/BTNMT	
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	Dự án không thuộc đối tượng quan trắc khí thải
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	-	
3	CO	mg/Nm ³	1000	-	
4	NO _x (tính theo	mg/Nm ³	850	-	

	NO ₂)				định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
5	SO ₂	mg/Nm ³	500	-	
6	Chì và hợp chất tinh theo Pb	mg/Nm ³	5	-	
7	Đồng và hợp chất tinh theo Cu	mg/Nm ³	10	-	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

Tại mỗi máy hàn bố trí 01 ống thu gom kích thước D102 để thu gom khí thải phát sinh, khí thải dưới tác dụng của quạt hút theo các đường ống nhánh có kích thước 400x400mm (dài khoảng 14m); 500x500mm (dài khoảng 14m) và đường ống chính trên mái kích thước 600x600mm (dài khoảng 33m) và 700x700mm (dài khoảng 12m) với tổng chiều dài khoảng 73m dẫn về hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính để xử lý. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT được thải ra môi trường theo ống khói đường kính D578, cao 11 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải tại dự án:

Khí thải hàn → Đường ống dẫn khí → Tủ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí ra ngoài môi trường (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 20.000 m³/giờ (tương đương 320.000m³/ngày).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải:

+ Than hoạt tính: 240 kg/năm.

+ Tần suất thay thế than hoạt tính: Khoảng 3 tháng/lần.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

* Biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống dẫn khí, các van, quạt hút,... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Tiến hành các biện pháp làm thông thoáng nhà xưởng để tránh gây ảnh hưởng đến công nhân khi sự cố xảy ra.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của công nhân vận hành hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Thay vật liệu lọc định kỳ 03 tháng/lần.

* Biện pháp ứng phó sự cố:

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục

- Sơ tán công nhân ra khỏi khu vực sản xuất

- Nhân viên kỹ thuật mặc đồ bảo hộ lao động tiến hành kiểm tra, phát hiện ra nguyên nhân dẫn đến sự cố để khắc phục. Nếu sự cố mang tính phức tạp cần liên hệ với bên lắp đặt chịu trách nhiệm về hệ thống để tìm ra biện pháp khắc phục nhanh chóng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 6/2024 đến tháng 9/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn.

2.3. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn.

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm từng dòng thải tương ứng (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.5. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải	Lưu lượng, Bụi tổng, CO, NO _x (tính theo NO ₂), SO ₂ , Chì và hợp chất tinh theo Pb, Đồng và hợp chất tính theo Cu	Tần suất quan trắc khí thải là 01 ngày/lần, trong 03 ngày liên tiếp. Lần 1: ngày 15/12/2024 Lần 2: ngày 16/12/2024 Lần 3 ngày 17/12/2024.	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; QCVN 20:2009/BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn**

- + Nguồn số 01: Nguồn phát sinh tại nhà xưởng 1;
- + Nguồn số 02: Nguồn phát sinh tại nhà xưởng 2.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến
trục 107⁰, múi chiếu 3⁰).**

+ Vị trí 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại khu vực nhà xưởng 1. Tọa độ: X = 2349865; Y = 411404.

+ Vị trí 02: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại khu vực nhà xưởng 2. Tọa độ: X = 2349858; Y = 411423.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	85	85	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	1,4m/s ²	1,4m/s ²	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Sử dụng đệm chống ồn, giảm rung chấn được lắp tại chân của máy móc, thiết bị.
- Thường xuyên thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị, lau dầu mỡ

để giảm thiểu tiếng ồn khi vận hành.

- Sử dụng đệm chống ồn, giảm rung chấn được lắp tại chân của máy móc, thiết bị.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng 1.386 kg/tháng tương đương khoảng 16.632 kg/năm.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/tháng)
1	Giẻ lau, găng tay nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	80
2	Màng lọc than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	20
3	Bao bì mềm thải	Rắn	300
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	450
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	150
6	Ấc quy chì thải	Rắn	80
7	Các loại pin khác	Rắn	20
8	Sản phẩm lỗi, hỏng trong quá trình sản xuất tấm modul	Rắn	286
	Tổng số lượng		1.386

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên khoảng 13.024kg/tháng tương đương khoảng 156.297 kg/năm.

STT	Tên chất thải rắn	Đơn vị	Khối lượng
1	Bìa, giấy vụn, băng dính, nilon không dính dầu	Kg/tháng	35
2	Sản phẩm lỗi, hỏng (khung nhôm)	Kg/tháng	4.800,5

4	Đầu mẫu, bavias kim loại thải	Kg/tháng	1.550
5	Bavias nhựa thải	Kg/tháng	780,5
6	Nguyên vật liệu đầu vào lỗi hỏng (không chứa thành phần nguy hại)	Kg/tháng	1.450
7	Phế liệu	Kg/tháng	1368,5
8	Pallet gỗ vỡ, vụn	Kg/tháng	639,5
9	Đế đựng pin, dây buộc nhựa	Kg/tháng	452
10	Thùng, bì catton giấy	Kg/tháng	1039,3
11	Bao bì, băng dính thải	Kg/tháng	909,5
Tổng		Kg/tháng	13.024,8

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 90kg/ngày, tương đương 28.080 kg/tháng, thành phần chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh, giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Dự kiến bố trí 05 thùng chứa chất thải chuyên dụng dung tích 120l/thùng, có nắp đậy, mỗi loại chất thải đựng vào thùng chứa riêng, trên mỗi thùng có dán mã chất thải tương ứng.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại với tần suất dự kiến khoảng 02 tuần/lần.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 20 m², được bố trí bên ngoài nhà xưởng.
- Kết cấu, cấu tạo của kho: Kho chứa có mái che, có lắp đặt cửa ra vào, có khóa, trên cửa có biển cảnh báo kho chứa CTNH; bên trong kho chứa có thiết kế các rãnh thu và hố thu. Tôn cao nền nhà khu lưu giữ lên 30cm, đảm bảo mặt sàn trong khu lưu giữ kín khít, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn vào từ bên ngoài.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Dự kiến bố trí 05 thùng chứa chất thải dung tích 120l/thùng để thu gom, lưu trữ tại kho chứa chất thải.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp theo quy định với tần suất dự kiến khoảng 02 tuần/lần.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 21,75m², được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Kết cấu, cấu tạo: Kho xây bằng gạch, nền láng xi măng, trên cửa ra vào có dán biển tên đúng quy cách.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 15 chứa rác dung tích 20 lít/thùng tại khu vực phòng ăn, vệ sinh, nhà xưởng, nhà ăn... ; ngoài ra đặt các thùng chứa chất thải có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng dọc đường nội bộ ngoài nhà xưởng với khoảng cách 20-30m/thùng.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt theo quy định với tần suất dự kiến khoảng 02 lần/tuần.

Bùn cặn của bể tự hoại: Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất dự kiến khoảng 06 tháng/lần.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải sinh hoạt: 10m², được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Kết cấu, cấu tạo: Kho được lắp vách ngăn, mái lợp tôn, nền láng xi măng chống thấm, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời; chỉ được tiếp tục hoạt động cơ sở khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH vật liệu mới Thiên Hưng Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của khu công nghiệp Song Khê – Nội Hoàng (phía nam), đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 759/TTr-TNMT ngày 24/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.